

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Đình Thông- Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông Trần Vinh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 99/2020/HNGĐ-ST ngày 14/12/2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 12/2021/QĐ-TA ngày 23 tháng 02 năm 2021, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Chị Bùi Thị N, sinh ngày 04/5/1993; địa chỉ: Xóm 6, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2. Anh Phan Quốc H, sinh ngày 20/10/1996; địa chỉ trước khi xuất cảnh: xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại CHLB Đức (không rõ địa chỉ cụ thể), vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác: Ông Phan Văn T (Người được anh Phan Quốc H) ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ; địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu ly hôn, Bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ, chị Bùi Thị N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Quốc H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10 tháng 3 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn (01 năm) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

do bất đồng quan điểm. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng cắt đứt liên lạc. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cho chị được ly hôn với anh Phan Quốc H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phan Gia H, sinh ngày 21-9-2017 và Phan Gia B, sinh ngày 29-6-2019. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin thỏa thuận ly hôn, bản tự khai và lời trình bày tại buổi làm việc ngày 18/01/2021, anh Phan Quốc H trình bày có nội dung giống với chị N về thời điểm, nơi đăng ký kết hôn, thời điểm và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh xác định tình cảm không còn và yêu cầu được TAND tỉnh Hà Tĩnh công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh và chị N. Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung Phan Gia H và Phan Gia B, anh đồng ý giao các con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị N tự thỏa thuận. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Phan Văn T (bố đẻ) vì anh là lao động bất hợp pháp, không có địa chỉ cụ thể và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng khác ông Phan Văn T trình bày: Ông chấp nhận sự ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của anh Phan Quốc H và cam đoan thông báo kịp thời, đầy đủ cho anh H. Mặt khác, ông cung cấp thêm thông tin: Con chung của anh H và chị N là cháu Phan Gia H và Phan Gia B hiện đang sống cùng chị N và được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt.

Tại phiên họp, anh Phan Quốc H và chị Bùi Thị N vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Phan Quốc H. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao các con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Bùi Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị N và anh Phan Quốc H đều có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh Phan Quốc H hiện đang lao động tự do tại Cộng hòa liên bang Đức (theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh, anh Bình đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 08/6/2019 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh). Căn cứ quy định tại các Điều 29, 35, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên họp chị Bùi Thị N và anh Phan Quốc H vắng mặt, tuy nhiên cả hai đã có yêu cầu được vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt người yêu cầu theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Phan Quốc H đã thực hiện việc đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 3 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và đã được ghi vào sổ đăng ký kết hôn số 12. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của chị Bùi Thị N và anh Phan Quốc H thấy rằng: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn (01 năm) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo thừa nhận của cả hai là do bất đồng quan điểm. Từ năm 2019 đến nay anh H và chị N không sống chung, vợ chồng cắt đứt liên lạc, không ai quan tâm đến ai.

Về căn cứ cho ly hôn: Rõ ràng cuộc hôn nhân của chị Bùi Thị N và anh Phan Quốc H hiện tại không còn hạnh phúc, cả hai đều thừa nhận không còn tình cảm, không có bất kỳ biện pháp nào để vun đắp hạnh phúc gia đình mà lựa chọn giải pháp ly hôn. Như vậy, vợ chồng đã không thực hiện nghĩa vụ “*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình*” (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình) và “không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc”, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Chị Bùi Thị N và anh Phan Quốc H đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đúng quy định pháp luật vì hiện nay các con chung còn nhỏ, anh H lại không thể thực hiện nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng các con chung nên cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương

sự. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về lệ phí: Chị Bùi Thị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bùi Thị N và anh Phan Quốc H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao các con chung Phan Gia H, sinh ngày 21-9-2017 và Phan Gia B sinh ngày 29-6-2019 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Phan Quốc H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Bùi Thị N (đã nộp 300.000đ tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai số 0000096 ngày 24/12/2020).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Đình Thông